

Số 639 - QĐ/HVCB

QUYẾT ĐỊNH

ban hành Thông tin tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy năm 2026 của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Quyết định số 1878/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quy định số 625-QĐ/TU ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1858/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức hoạt động đào tạo đại học từ năm học 2016-2017;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành giáo dục mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Kế hoạch số 77-KH/HVCB ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai công tác tuyển sinh đại học năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 401-QĐ/HVCB ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Học viện Cán bộ về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học các hình thức đào tạo năm 2026 Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 369-QĐ/HVCB ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÁN BỘ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Thông tin tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy năm 2026 của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh (Mã trường HVC).

Điều 2. Thông tin tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy năm 2026 là cơ sở để Hội đồng tuyển sinh thực hiện công tác tuyển sinh năm 2026. Thông tin tuyển sinh được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung (nếu có) và công bố trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển đúng thời hạn theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2026, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4,
- Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (để b/c),
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c),
- Ban Giám đốc Học viện,
- Cổng thông tin điện tử Học viện (để t/b),
- Cổng thông tin tuyển sinh điện tử Học viện (để t/b),
- Lưu Học viện Cán bộ. NH(P,QLĐT)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Y

Ký bởi: HỌC VIỆN CÁN BỘ THÀNH PHỐ HỒ
CHÍ MINH
Thời gian ký: 22/05/2026 12:57:28

**THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN CÁN BỘ**

*



**THÔNG TIN TUYỂN SINH
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY
NĂM 2026**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 639-QĐ/HVCB ngày 22 tháng 5 năm 2026
của Giám đốc Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh)*

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - THÁNG 5 NĂM 2026

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	4
1. Tên cơ sở đào tạo.....	4
2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: HVC	4
3. Địa chỉ các trụ sở của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.....	4
4. Địa chỉ các trang thông tin điện tử của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	4
5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 028.2243.7830 – 028.2243.7838.....	4
6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh, thông tin tuyển sinh của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	4
7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.....	4
II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HÌNH THỨC CHÍNH QUY.....	4
1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển.....	4
2. Mô tả phương thức tuyển sinh	5
2.1. Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (Mã phương thức 100)	5
2.2. Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT (Mã phương thức 200)	6
2.3. Phương thức xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Mã phương thức 301)	6
2.4. Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả các kỳ thi đánh giá năng lực năm 2026 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (Mã phương thức 402)	6
3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh	6
3.1. Ngưỡng đầu vào	6
3.2. Điểm trúng tuyển.....	7
4. Số lượng tuyển sinh	7
5. Các thông tin khác.....	8
5.1. Nguyên tắc xét tuyển	8
5.2. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo nhóm ngành	8
5.3. Thời điểm xác nhận nhập học.....	8
6. Tổ chức tuyển sinh	9

6.1. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026	9
6.1.1. Điều kiện nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển	9
6.1.2. Thời gian và hình thức đăng ký xét tuyển	9
6.1.3. Thời gian công bố kết quả xét tuyển	9
6.1.4. Các ngành áp dụng	10
6.1.5. Quy trình đăng ký và xét tuyển	10
6.1.6. Cách tính điểm xét tuyển	10
6.2. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT (học bạ theo kết quả 06 học kỳ)	10
6.2.1. Điều kiện nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển	10
6.2.2. Thời gian và hình thức đăng ký xét tuyển	11
6.2.3. Thời gian công bố kết quả xét tuyển	11
6.2.4. Các ngành áp dụng	11
6.2.5. Quy trình đăng ký và xét tuyển	11
6.2.6. Cách tính điểm xét tuyển	11
6.3. Phương thức xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	12
6.3.1. Đối tượng áp dụng	12
6.3.2. Thời gian và hình thức đăng ký xét tuyển thẳng	13
6.3.3. Thời gian công bố kết quả	13
6.3.4. Các ngành áp dụng	13
6.4. Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả các kỳ thi đánh giá năng lực năm 2026 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.	13
6.4.1. Điều kiện nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển	13
6.4.2. Thời gian đăng ký xét tuyển	13
6.4.3. Thời gian công bố kết quả xét tuyển	13
6.4.4. Các ngành áp dụng	13
6.4.5. Quy trình đăng ký và xét tuyển	14
6.4.6. Cách tính điểm xét tuyển	14
7. Chính sách ưu tiên	14
7.1. Xét tuyển thẳng	15
7.2. Điểm cộng Khuyến khích	15
7.3. Ưu tiên xét tuyển	15
7.3.1. Ưu tiên theo khu vực	15

7.3.2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách.....	16
8. Lệ phí xét tuyển	16
9. Cam kết của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh đối với thí sinh....	16
10. Các nội dung khác	16
10.1. Thông tin về học phí dự kiến và chính sách miễn giảm học phí đối với sinh viên chính quy	16
10.1.1. Thông tin về học phí dự kiến.....	16
10.1.2. Về chính sách miễn, giảm học phí	17
10.2. Thông tin về các chính sách Học bổng của Học viện	18
10.3. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.....	18
10.4. Thông tin liên hệ và giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy.....	19
11. Thông tin về tuyển sinh chính quy của năm 2024 và năm 2025	20
PHỤ LỤC 1: PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG, ƯU TIÊN XÉT TUYỂN KỲ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2026	21
PHỤ LỤC 2: PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG KỲ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2026	23
PHỤ LỤC 3: Cách tính điểm cộng khuyến khích.....	25
PHỤ LỤC 4: Cách tính điểm ưu tiên	27

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

(Hình thức đào tạo: Chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo

- Tên tiếng Việt: Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh
- Tên tiếng Anh: Ho Chi Minh City Cadre Academy (viết tắt là HCA)

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: HVC

3. Địa chỉ các trụ sở của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

- Trụ sở chính: Số 324 Chu Văn An, Phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

4. Địa chỉ các trang thông tin điện tử của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

- www.hocviencanbo.hochiminhcity.gov.vn
- Website: <http://tuyensinh.hcmca.edu.vn>
- Fanpage: <https://www.facebook.com/tuvantuyensinhhca>
- Email: tuyensinh@hcmca.edu.vn

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 028.2243.7830 – 028.2243.7838

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh, thông tin tuyển sinh của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

<http://tuyensinh.hcmca.edu.vn>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

Đường link công khai các thông tin về hoạt động, điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh:

<http://www.hocviencanbo.hochiminhcity.gov.vn/03-cong-khai>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HÌNH THỨC CHÍNH QUY

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đối tượng dự tuyển vào Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Học viện) được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

a) Tất cả thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

b) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại mục 3.1 phần II theo Thông tin tuyển sinh.

c) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

d) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

e) Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Năm 2026, Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức tuyển sinh theo 04 phương thức, cụ thể:

STT	Mã phương thức	Phương thức xét tuyển	Ghi chú
01	100	Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) năm 2026.	Không quy định chỉ tiêu riêng cho từng phương thức xét tuyển hoặc tổ hợp xét tuyển, trừ việc quy định chỉ tiêu xét tuyển thẳng theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
02	200	Xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ theo kết quả 06 học kỳ).	
03	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	
04	402	Xét tuyển dựa trên kết quả các kỳ thi đánh giá năng lực năm 2026 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	

2.1. Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (Mã phương thức 100)

- Học viện xét tuyển theo 11 tổ hợp xét tuyển gồm (A00, A01, A07, C00, C03, C04, D01, D07, D09, D15, X01) theo từng mã ngành/chương trình, không có chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển. **Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu năm 2026.**

- Học viện không sử dụng điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi tốt nghiệp THPT, kỳ thi THPT Quốc gia các năm trước để tuyển sinh, không cộng điểm ưu tiên thí sinh có chứng chỉ nghề.

- Học viện không áp dụng thêm tiêu chí phụ trong xét tuyển, ngoài các quy định trong Quy chế tuyển sinh của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT (Mã phương thức 200)

Học viện xét tuyển theo 11 tổ hợp xét tuyển gồm (A00, A01, A07, C00, C03, C04, D01, D07, D09, D15, X01) theo từng mã ngành/chương trình, không có chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển. **Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu năm 2026.**

- Điều kiện xét tuyển:

+ Có kết quả học tập của cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 **(06 học kỳ)**

+ Xếp loại học lực của cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 từ mức Đạt trở lên.

+ Điểm trung bình 3 môn xét tuyển của tổ hợp môn đạt từ 18,0 (*mười tám phẩy không*) điểm trở lên (*chưa tính điểm ưu tiên khu vực và đối tượng - trong đó không có môn nào dưới 5,0 điểm*).

+ Có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 đạt từ 15,0 (*mười lăm phẩy không*) điểm trở lên.

Đối với ngành Luật (mã ngành: 7380101)

- Điều kiện xét tuyển:

+ Có kết quả học tập của cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 **(06 học kỳ)**

+ Xếp loại học lực của cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 từ mức Tốt trở lên.

+ Điểm trung bình 3 môn xét tuyển của tổ hợp môn đạt từ 18,0 (*mười tám phẩy không*) điểm trở lên (*chưa tính điểm ưu tiên khu vực và đối tượng - trong đó không có môn nào dưới 5,0 điểm*).

+ Có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 đạt từ 18,0 (*mười tám phẩy không*) điểm trở lên.

2.3. Phương thức xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Mã phương thức 301)

Học viện xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo các quy định của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh. Chỉ tiêu không quá 5% tổng chỉ tiêu chung của Học viện.

2.4. Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả các kỳ thi đánh giá năng lực năm 2026 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (Mã phương thức 402)

- Học viện xét tuyển theo kết quả các kỳ thi đánh giá năng lực năm 2026 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức trong năm 2026.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Ngưỡng đầu vào

Học viện công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào sau khi có kết quả thi

tốt nghiệp THPT năm 2026 theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.2. Điểm trúng tuyển

- Điểm trúng tuyển của tất cả các phương thức xét tuyển được quy về thang điểm 30 (*ba mươi*) điểm và làm tròn đến hai chữ số thập phân. Trong đó, điểm cộng (*nếu có*) là điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo không quá 03 (*ba*) điểm và tổng điểm xét tuyển không quá 30 (*ba mươi*) điểm.

- Học viện sẽ thực hiện quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các phương thức, các tổ hợp xét tuyển theo hướng dẫn thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thời gian công bố ngưỡng điểm trúng tuyển quy đổi tương đương theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

4. Số lượng tuyển sinh

Năm 2026, Học viện tuyển sinh 800 chỉ tiêu (*dự kiến*) đối với 05 ngành học theo 04 phương thức tuyển sinh đã quy định tại mục 2 phần II, cụ thể như sau:

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Mã tổ hợp môn xét tuyển (<i>đối với phương thức 1 và 2</i>)
1.	7310205	Khoa học Chính trị	7310205	Quản lý nhà nước	350	- Toán, Lý, Hoá (A00) - Toán, Lý, Anh (A01) - Toán, Sử, Địa (A07) - Văn, Sử, Địa lý (C00) - Văn, Toán, Sử (C03) - Văn, Toán, Địa lý (C04) - Văn, Toán, Anh (D01) - Toán, Hoá, Anh (D07) - Toán, Sử, Anh (D09)
2.	7310202	Khoa học Chính trị	7310202	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	150	- Toán, Lý, Anh (A01) - Văn, Sử, Địa lý (C00) - Văn, Toán, Sử (C03) - Văn, Toán, Địa lý (C04) - Văn, Toán, Anh (D01) - Toán, Sử, Anh (D09) - Toán, Địa, Anh (D10) - Văn, Địa, Anh (D15) - Văn, Toán, GD&ĐT&PL (X01)
3.	7310201	Khoa học Chính trị	7310201	Chính trị học	120	- Toán, Lý, Anh (A01) - Văn, Sử, Địa lý (C00) - Văn, Toán, Sử (C03) - Văn, Toán, Địa lý (C04) - Văn, Toán, Anh (D01) - Toán, Sử, Anh (D09) - Toán, Địa, Anh (D10) - Văn, Địa, Anh (D15) - Văn, Toán, GD&ĐT&PL (X01)

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Mã tổ hợp môn xét tuyển (đối với phương thức 1 và 2)
4.	7760101	Dịch vụ xã hội	7760101	Công tác xã hội	120	- Toán, Lý, Anh (A01) - Văn, Sử, Địa lý (C00) - Văn, Toán, Sử (C03) - Văn, Toán, Địa lý (C04) - Văn, Toán, Anh (D01) - Toán, Sử, Anh (D09) - Toán, Địa, Anh (D10) - Văn, Địa, Anh (D15) - Văn, Toán, GD&ĐT (X01)
5.	7380101	Pháp luật	7380101	Luật	60	- Toán, Lý, Hoá (A00) - Toán, Lý, Anh (A01) - Toán, Sử, Địa (A07) - Văn, Sử, Địa lý (C00) - Văn, Toán, Sử (C03) - Văn, Toán, Địa lý (C04) - Văn, Toán, Anh (D01) - Toán, Hoá, Anh (D07) - Toán, Sử, Anh (D09)

5. Các thông tin khác

5.1. Nguyên tắc xét tuyển

- Thí sinh được xét tuyển bình đẳng vào một ngành theo kết quả thi/kết quả học tập cấp THPT; không phân biệt tổ hợp môn, phương thức xét tuyển.

- Học viện không giới hạn số lượng nguyện vọng đăng ký xét tuyển của thí sinh. Thí sinh đăng ký xét tuyển vào Học viện theo ngành/chương trình đào tạo và được xếp thứ tự từ 01 đến hết (*trong đó nguyện vọng 1 là nguyện vọng ưu tiên cao nhất*) trên Công thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

5.2. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo nhóm ngành

- Học viện xét tuyển theo mã xét tuyển tương ứng với ngành/chương trình đào tạo.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tiếp theo từng mã xét tuyển tương ứng với từng ngành/chương trình đào tạo và trúng tuyển vào ngành/chương trình đào tạo theo điểm trúng tuyển quy đổi và thứ tự nguyện vọng đăng ký.

5.3. Thời điểm xác nhận nhập học

- Sau khi Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh (HVC) công bố kết quả trúng tuyển cho tất cả các phương thức, tất cả thí sinh trúng tuyển và có nguyện vọng theo học phải thực hiện thủ tục xác nhận nhập học trên hệ thống của Bộ Giáo dục và

Đào tạo **trước 17 giờ 00 ngày 21 tháng 8 năm 2026** trước khi thực hiện thủ tục nhập học tại Học viện.

* **Lưu ý:** Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển phải thực hiện thủ tục xác nhận nguyện vọng trên Hệ thống trong xét tuyển đợt 1 theo Thông báo/Kế hoạch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2026.

- Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định:

+ Nếu không có lý do chính đáng xem như thí sinh từ chối nhập học và Học viện có quyền không tiếp nhận.

+ Nếu do ốm đau, tai nạn (có giấy xác nhận của bệnh viện cấp cơ bản) hoặc do thiên tai (có xác nhận của ủy ban nhân dân cấp phường/xã,...), Học viện xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh nhập học sau.

+ Nếu do sai sót, nhầm lẫn của cán bộ thực hiện công tác tuyển sinh hoặc cá nhân thí sinh gây ra, Học viện phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh nhập học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh nhập học sau.

- Thí sinh đã xác nhận nhập học tại Học viện không được tham gia xét tuyển ở nơi khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung, trừ trường hợp được Học viện cho phép.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

6.1.1. Điều kiện nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Thí sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện tại mục 1 Phần II.

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển cần đầy đủ thông tin cá nhân, thông tin kết quả thi THPT năm 2026 và thông tin ưu tiên (nếu có) và đảm bảo tính xác thực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.1.2. Thời gian và hình thức đăng ký xét tuyển

- **Thời gian đăng ký (đợt 1): từ ngày 02/7/2026 đến trước 17 giờ 00 ngày 14/7/2026** theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hình thức đăng ký

+ Thí sinh đăng ký trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia) theo hướng dẫn của trường THPT và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Thí sinh có thể điều chỉnh nguyện vọng không giới hạn số lần trong thời gian quy định.

+ Thí sinh cần tuân thủ hướng dẫn đăng ký trực tuyến, kiểm tra kỹ thông tin trước khi xác nhận và gửi đăng ký, tránh sai sót dẫn đến việc mất quyền lợi.

6.1.3. Thời gian công bố kết quả xét tuyển

- Thời gian công bố kết quả xét tuyển (đợt 1) theo Kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo: **trước 17 giờ 00 phút ngày 13/8/2026.**

- Thí sinh có thể tra cứu kết quả trên trang thông tin điện tử chính thức của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh tại địa chỉ <http://tuyensinh.hcmca.edu.vn> và Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.1.4. Các ngành áp dụng

Ngành Công tác xã hội, ngành Chính trị học, ngành Quản lý nhà nước, ngành Luật, ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước.

6.1.5. Quy trình đăng ký và xét tuyển

- Thí sinh sử dụng tài khoản đã cấp để rà soát kết quả học tập (học bạ) cấp THPT và thông tin chế độ ưu tiên (minh chứng) trên hệ thống theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Học viện tiếp nhận dữ liệu từ hệ thống, xét tuyển dựa trên tổng điểm các môn thi của tổ hợp đã đăng ký và điểm ưu tiên (nếu có), xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu.

6.1.6. Cách tính điểm xét tuyển

- Điểm xét tuyển theo thang điểm 30 làm tròn đến hai chữ số thập phân. Điểm xét tuyển được tính như sau:

Điểm xét tuyển (tối đa bằng 30) = Tổng điểm đạt được + Điểm cộng Khuyến khích (nếu có) + Điểm ưu tiên của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có)

Điểm xét tuyển = M1 + M2 + M3 + Điểm Khuyến khích + Điểm ưu tiên (nếu có)

- Trong đó: **M1, M2, M3** là điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 của các môn thi thuộc tổ hợp môn xét tuyển của Học viện được quy định tại mục 2 phần II.

* Lưu ý:

- Điểm cộng khuyến khích của Học viện được quy định tại mục 7.2 phần II
- Điểm ưu tiên bao gồm điểm ưu tiên khu vực và điểm ưu tiên đối tượng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với các tổ hợp xét tuyển có môn Ngoại ngữ, điểm môn Ngoại ngữ của thí sinh khi xét tuyển vào Học viện là điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026. **Học viện không sử dụng chứng chỉ quốc tế thay thế môn Ngoại ngữ để xét tuyển.**

- Điểm chênh lệch giữa các tổ hợp: bằng 0 (không).

6.2. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT (học bạ theo kết quả 06 học kỳ)

6.2.1. Điều kiện nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Thí sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện tại mục 1 phần II.

- Xếp loại học lực của cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 từ mức Đạt trở lên.
- Điểm trung bình của ba môn trong tổ hợp xét tuyển (tính trung bình 3 năm của 06 học kỳ) đạt tối thiểu 18,0 (*mười tám phẩy không*) điểm trở lên (*chưa tính điểm ưu tiên*). Trong đó, không có môn học nào dưới 5,0 (*năm phẩy không*) điểm.
- Có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 đạt từ 15,0 (*mười lăm phẩy không*) điểm trở lên.

6.2.2. Thời gian và hình thức đăng ký xét tuyển

- **Trước 17 giờ 00 ngày 06/6/2026:** thí sinh phải dùng tài khoản cá nhân để kiểm tra dữ liệu học bạ trên hệ thống. Nếu có sai lệch thí sinh liên hệ các điểm tiếp nhận do Sở Giáo dục và Đào tạo quy định trên địa bàn để yêu cầu chỉnh sửa.
- Từ ngày 02/7/2026 đến trước 17 giờ 00 ngày 14/7/2026: thí sinh đăng ký nguyện vọng trên hệ thống của Bộ.

6.2.3. Thời gian công bố kết quả xét tuyển

- **Trước 17 giờ 00 phút ngày 13/8/2026:** Học viện công bố kết quả xét tuyển (*đợt 1*) theo Kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thí sinh có thể tra cứu kết quả trên trang thông tin điện tử chính thức của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh tại địa chỉ <http://tuyensinh.hcmca.edu.vn> và Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.2.4. Các ngành áp dụng

Ngành Công tác xã hội; ngành Chính trị học; ngành Quản lý nhà nước; ngành Luật; ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước.

6.2.5. Quy trình đăng ký và xét tuyển

- Thí sinh sử dụng tài khoản đã cấp để rà soát kết quả học tập (học bạ) cấp THPT và thông tin chế độ ưu tiên (minh chứng) trên hệ thống theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Học viện tiếp nhận dữ liệu từ hệ thống, xét tuyển dựa trên tổng điểm các môn thi của tổ hợp đã đăng ký và điểm ưu tiên (nếu có), xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu.

6.2.6. Cách tính điểm xét tuyển

- Điểm xét tuyển theo thang điểm 30 làm tròn đến hai chữ số thập phân. Điểm xét tuyển được tính như sau:

Điểm xét tuyển (tối đa bằng 30) = Tổng điểm đạt được + Điểm ưu tiên của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có)

Điểm xét tuyển = M1 + M2 + M3 + Điểm ưu tiên (nếu có)

- Trong đó:

+ **M1** = (điểm trung bình cả năm lớp 10 môn 1 + điểm trung bình cả năm lớp

11 môn 1 + điểm trung bình cả năm lớp 12 môn 1)/3;

+ **M2** = (điểm trung bình cả năm lớp 10 môn 2 + điểm trung bình cả năm lớp 11 môn 2 + điểm trung bình cả năm lớp 12 môn 2)/3;

+ **M3** = (điểm trung bình cả năm lớp 10 môn 3 + điểm trung bình cả năm lớp 11 môn 3 + điểm trung bình cả năm lớp 12 môn 3)/3;

- Theo đó **M1**, **M2** và **M3** đều là các môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển đã quy định tại mục 2 phần II.

- Điểm ưu tiên bao gồm điểm ưu tiên khu vực và điểm ưu tiên đối tượng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Điểm chênh lệch giữa các tổ hợp: bằng 0 (không).

6.3. Phương thức xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

6.3.1. Đối tượng áp dụng

- Thí sinh là anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp THPT.

- Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng; được xét tuyển thẳng vào ngành học thí sinh đăng ký theo chỉ tiêu phân bổ của Học viện.

- Đối với thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do cơ sở đào tạo quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường: Giám đốc Học viện căn cứ vào kết quả học tập THPT của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học.

- Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh của 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ: Giám đốc Học viện căn cứ vào kết quả học tập THPT của học sinh (học bạ), các hồ sơ xác minh về đối tượng là người dân tộc thiểu số và các giấy tờ minh chứng về nơi thường trú để xem xét, quyết định nhận vào học.

- Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Giám đốc Học viện căn cứ vào kết quả học tập THPT của học sinh (học bạ), giấy xác nhận vùng ưu tiên hoặc các giấy tờ minh chứng có liên quan để xem xét, quyết định nhận vào học.

- Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại Học viện: Giám đốc Học viện căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực ngôn ngữ theo quy định về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo để xem xét, quyết định

nhận vào học.

6.3.2. Thời gian và hình thức đăng ký xét tuyển thẳng

- Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại Học viện từ ngày 01/6/2026 đến hết ngày 20/6/2026.

- Học viện tiếp nhận hồ sơ, thực hiện xử lý và thông báo kết quả cho thí sinh trước ngày 30/6/2026.

(Học viện sẽ phát hành Thông báo hướng dẫn chi tiết các quy trình thực hiện đăng ký xét tuyển thẳng)

- Thí sinh trúng tuyển diện tuyển thẳng nếu có nguyện vọng học phải đăng ký nguyện vọng 1 với ngành trúng tuyển lên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nếu đăng ký ngành trúng tuyển từ nguyện vọng 2 trở đi, kết quả xét tuyển sẽ lấy theo nguyện vọng cao nhất của thí sinh.

- Thí sinh phải thực hiện đầy đủ 2 bước theo yêu cầu của Học viện.

6.3.3. Thời gian công bố kết quả

- Thời gian công bố kết quả xét tuyển (đợt 1) theo Kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo: trước 17 giờ 00 phút ngày 13/8/2026.

6.3.4. Các ngành áp dụng

Ngành Công tác xã hội, ngành Chính trị học, ngành Quản lý nhà nước, ngành Luật, ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước.

6.4. Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả các kỳ thi đánh giá năng lực năm 2026 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

6.4.1. Điều kiện nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Thí sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện tại mục 1 phần II.

- Thí sinh phải có kết quả của kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức trong năm 2026.

6.4.2. Thời gian đăng ký xét tuyển

Từ ngày 02/7/2026 đến trước 17 giờ 00 ngày 14/7/2026.

6.4.3. Thời gian công bố kết quả xét tuyển

- Kết quả xét tuyển dự kiến được công bố vào **trước 17 giờ 00 phút ngày 13/8/2026**.

- Thí sinh có thể tra cứu kết quả trên trang thông tin điện tử chính thức của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh tại địa chỉ <http://tuyensinh.hcmca.edu.vn> và Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.4.4. Các ngành áp dụng

Ngành Công tác xã hội, ngành Chính trị học, ngành Quản lý nhà nước, ngành

Luật, ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước.

6.4.5. Quy trình đăng ký và xét tuyển

- Thí sinh sử dụng tài khoản đã cấp để đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển (không giới hạn số lần) trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời gian quy định

- Học viện tiếp nhận dữ liệu từ hệ thống, xét tuyển dựa trên tổng điểm các môn thi của tổ hợp đã đăng ký và điểm ưu tiên (nếu có), xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu.

6.4.6. Cách tính điểm xét tuyển

- Điểm xét tuyển theo thang điểm 30 làm tròn đến hai chữ số thập phân. Cách quy đổi điểm thi đánh giá năng lực thành điểm xét tuyển (theo hệ số 30 điểm) như sau:

- Đối với bài thi APT (Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh):

Điểm xét tuyển ATP= (Tổng điểm bài thi ĐGNL x 30/1200) + Điểm ưu tiên (nếu có)

Trong đó:

- APT là điểm thi đánh giá năng lực Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Lưu ý:**

- Ngoài việc đăng ký theo quy định của Học viện Tất cả thí sinh (bao gồm cả thí sinh được xét tuyển thẳng) phải thực hiện đăng ký xét tuyển (ĐKXT) trực tuyến, đưa tất cả nguyện vọng xét tuyển (NVXT) trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT (sau đây gọi tắt là Hệ thống) trực tiếp tại địa chỉ <http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> hoặc gián tiếp thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thí sinh cần tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh, quy chế tuyển sinh của các Học viện, không đăng ký nguyện vọng vào những ngành, chương trình đào tạo không đủ điều kiện.

- Thí sinh cung cấp đầy đủ và đảm bảo về tính trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về tất cả thông tin và các giấy tờ minh chứng xét tuyển. Kết quả xét tuyển được đưa ra dựa trên thông tin hồ sơ thí sinh cung cấp.

- Kế hoạch tuyển sinh của Học viện có thể thay đổi tùy thuộc vào hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đề nghị thí sinh thường xuyên theo dõi trên các trang thông tin điện tử chính thức của Học viện để cập nhật thông tin mới nhất.

7. Chính sách ưu tiên

Học viện áp dụng chính sách ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7.1. Xét tuyển thẳng

Học viện xét tuyển thẳng cho các đối tượng theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Quy định của Học viện Cán bộ Thành phố, cụ thể tại mục 6.2.1 Phần II.

7.2. Điểm cộng Khuyến khích

7.2.1. *Đối tượng áp dụng*: áp dụng đối với phương thức xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026 (mã phương thức: 200)

7.2.2. *Cách thức áp dụng*: Điểm xét tuyển (tối đa bằng 30 điểm) = Điểm thi THPT năm 2026 + Điểm cộng Khuyến khích (*nếu có*) + Điểm ưu tiên của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*nếu có*)

Theo đó điểm cộng được quy đổi gồm hai nhóm như sau:

+ **Nhóm 1**: thí sinh đạt giải Khuyến khích trong cuộc thi học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia; đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong cuộc thi học sinh giỏi, cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố. Thời gian đạt giải không quá 02 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

+ **Nhóm 2**: Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh đạt bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế được quy đổi tương đương bậc 3 trở lên theo khung năng lực nêu trên, do đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận, cho phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ. Thời gian được cấp chứng chỉ không quá 02 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

* **Lưu ý**: Một thí sinh có thể thuộc cả hai nhóm cộng khuyến khích khác nhau. Khi đó, điểm cộng khuyến khích sẽ bao gồm tổng điểm của các nhóm mà thí sinh thuộc diện cộng khuyến khích. Điểm khuyến khích của mỗi thí sinh không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét tuyển, trong đó, điểm thành phần của từng nhóm điểm cộng tối đa 1,50 điểm theo thang điểm 30.

(Cách quy đổi điểm cộng khuyến khích nằm ở Phụ lục 3)

7.3. Ưu tiên xét tuyển

Theo các chính sách ưu tiên, cụ thể:

7.3.1. Ưu tiên theo khu vực

a) Mức điểm ưu tiên theo khu vực được áp dụng như sau:

- Khu vực 1 (KV1): 0,75 điểm;
- Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT): 0,5 điểm;
- Khu vực 2 (KV2): 0,25 điểm;
- Khu vực 3 (KV3): **không** được tính điểm ưu tiên.

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực

của trường mà thí sinh theo học sau cùng.

c) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

7.3.2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách

a) Mức điểm ưu tiên theo nhóm đối tượng được áp dụng như sau:

- Nhóm đối tượng ưu tiên 1 (UT1): được cộng 2,0 (hai) điểm ưu tiên.
- Nhóm đối tượng ưu tiên 2 (UT2): được cộng 1,0 (một) điểm ưu tiên.

(Chi tiết các nhóm đối tượng nằm ở Phụ lục 4)

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a mục này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

7.3.3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số) theo tổng số điểm tối đa là 30 điểm.

7.3.4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 (hai mươi hai phẩy năm) trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức như sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$$

7.3.5. Thí sinh chỉ được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

8. Lệ phí xét tuyển

- Lệ phí xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Lệ phí xét tuyển các phương thức khác: cụ thể theo thông báo của Học viện.

9. Cam kết của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh đối với thí sinh

Học viện cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo pháp luật hiện hành của nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

10. Các nội dung khác

10.1. Thông tin về học phí dự kiến và chính sách miễn giảm học phí đối với sinh viên chính quy

10.1.1. Thông tin về học phí dự kiến

Thực hiện theo quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học

tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo ban hành theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; học phí dự kiến năm học 2026 - 2027 đối với các chương trình đào tạo của Học viện như sau:

Năm học Ngành	2026-2027 (Năm 1)	2027-2028 (Năm 2)	2028-2029 (Năm 3)	2029-2030 (Năm 4)	Số thu toàn khóa/ 1 SV
	Luật	38.614.779	42.905.310	39.687.412	
Quản lý nhà nước	40.058.938	42.348.021	38.914.397	20.601.740	141.923.096
Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	38.914.397	42.348.021	45.781.644	14.879.034	141.923.096
Chính trị học	42.348.021	46.926.185	41.203.480	11.445.411	141.923.096
Công tác xã hội	42.348.021	42.348.021	37.769.856	19.457.199	141.923.096

10.1.2. Về chính sách miễn, giảm học phí

Học viện thực hiện quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với Cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ. Cụ thể các trường hợp sau:

STT	Đối tượng miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm
1.	<p>Người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên là con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng 8/1945; - Sinh viên là con của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; - Sinh viên là con của liệt sỹ; - Sinh viên là con thương binh; - Sinh viên là con bệnh binh; - Sinh viên là con của người được hưởng chính sách như thương binh; - Sinh viên là con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. 	Miễn 100% học phí
2.	Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không có người nuôi dưỡng, tuổi không quá 22.	Miễn 100% học phí

STT	Đối tượng miễn, giảm học phí	Mức miễn, giảm
3.	Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật.	Miễn 100% học phí
4.	Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn 100% học phí
5.	Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người (<i>La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, BRâu, Ô Đu</i>) có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	Miễn 100% học phí
6.	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	Giảm 70% học phí
7	Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	Giảm 50% học phí

10.2. Thông tin về các chính sách Học bổng của Học viện

Với mục đích động viên và khuyến khích các sinh viên có thành tích học tập và rèn luyện tốt trong từng học kỳ, cũng như khích lệ, hỗ trợ các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn nhưng cố gắng phấn đấu vươn lên trong học tập. Hằng năm, Học viện có các loại học bổng như sau:

- **Học bổng Khuyến khích học tập:** dành cho các sinh viên có kết quả học tập và rèn luyện tốt trong từng học kỳ, với mức học bổng loại khá bằng 100% mức học phí của sinh viên/học kỳ.

- **Học bổng Thủ khoa, Á khoa:** vinh danh sinh viên thủ khoa, á khoa đầu vào Học viện; thủ khoa và tân sinh viên đạt điểm cao các chuyên ngành, với mức học bổng từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ/suất tùy theo thành tích tân sinh viên đạt được.

- **Học bổng Đồng hành vượt khó:** hỗ trợ cho sinh viên Học viện có hoàn cảnh nhưng đã cố gắng phấn đấu vươn lên trong học tập, với mức học bổng từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/suất tùy theo từng trường hợp được nhận.

- Bên cạnh đó, Học viện còn có các loại học bổng khác như: học bổng Phát triển tài năng; học bổng của các tổ chức, đơn vị, cá nhân tài trợ theo yêu cầu; các suất khen thưởng, hỗ trợ, trợ cấp đột xuất của Học viện đối với các trường hợp đặc biệt,...

10.3. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

Theo lịch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo thông báo của Học viện.

10.4. Thông tin liên hệ và giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy

Thí sinh cần thêm thông tin tuyển sinh của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị liên hệ: Phòng Quản lý đào tạo, Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh, số 324 Chu Văn An, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Thông tin về tuyển sinh chính quy của năm 2024 và năm 2025

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2025		
				Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ Thang điểm xét
1.	7380101	Luật	100	150	211	25/30	220	263	24/30
			200			26,45/30			26,46/30
			301			XTT			XTT
			402			-			884/1200
2.	7310205	Quản lý nhà nước	100	150	257	23,5/30	200	221	23,5/30
			200			26/30			26,31/30
			301			XTT			XTT
			402			-			867/1200
3.	7310202	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	100	100	189	23/30	160	158	23,25/30
			200			24,95/30			26,24/30
			301			XTT			XTT
			402			-			858/1200
4.	7310201	Chính trị học	100	100	155	22/30	160	185	22,5/30
			200			23,55/30			26,02/30
			301			XTT			XTT
			402			-			833/1200
5.	7760101	Công tác xã hội	100	100	150	22/30	160	141	22,5/30
			200			23,9/30			26,02/30
			301			XTT			XTT
			402			-			833/1200
Tổng cộng				600	962		900	968	

Cán bộ tuyển sinh



Trần Nam Hiệp

SĐT: 0969.182.837

Email: t.nhiệp@hcmca.edu.vn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 5 năm 2026

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Y

Ký bởi: HỌC VIỆN CÁN BỘ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thời gian ký: 22/05/2026 12:58:12

PHỤ LỤC 1
PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG, ƯU TIÊN XÉT TUYỂN
KỲ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2026

HỌC VIỆN CÁN BỘ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH 2026

*

Ảnh 4x6

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG
KỲ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2026
(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thăng theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 của Quy chế tuyển sinh)

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày tháng năm

3. Số CMND/CCCD (như hồ sơ đăng ký dự thi)

4. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi): **Email:**

5. Nơi sinh (tỉnh, thành phố):

6. Năm tốt nghiệp THPT

7. Năm đoạt giải:

8. Môn đoạt giải, loại giải, huy chương

Môn đoạt giải

Loại giải, loại huy chương

9. Trong đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế năm môn:

10. Đăng ký xét tuyển thăng hoặc ưu tiên xét tuyển thăng vào CSĐT/ngành học:

(thí sinh có thể chọn (ghi rõ) phương thức XTT, UTXT hoặc cả 2 phương thức vào các dòng tương ứng tại các cột Xét tuyển thăng, Ưu tiên xét tuyển)

Số TT	Mã CSĐT (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành	Ưu tiên xét tuyển	Ghi chú
1	HVC				

2	HVC				
3	HVC				
4	HVC				
5	HVC				
...					
...					

12. Địa chỉ báo tin:

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 trường THPT.....
đã khai đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2026

Chữ ký của thí sinh

Ngày tháng năm 2026

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 2
PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẮNG
KỶ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2026

HỌC VIỆN CÁN BỘ
 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH 2026
 *

Ảnh 4x6

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẮNG
KỶ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2026

(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại điểm b, c, khoản 4 Điều 8 của Quy chế tuyển sinh)

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... (nữ ghi 1, nam ghi 0) **Giới**

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày tháng năm

3. Số CMND/CCCD (như hồ sơ đăng ký dự thi)

4. Điện thoại (như hồ sơ đăng ký dự thi): **Email:**

5. Hộ khẩu thường trú (Ghi rõ xã, tỉnh).....

6. Dân tộc:

7. Nơi học THPT hoặc tương đương:

- Năm lớp 10:

- Năm lớp 11:

- Năm lớp 12:

8. Năm tốt nghiệp THPT:

9. Học lực: Năm lớp 10:; Năm lớp 11:; Năm lớp 12:

10. Đăng ký xét tuyển thẳng vào CSĐT/ngành học:

Số TT	Mã CSĐT (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành
1	HVC		
2	HVC		
3	HVC		
4	HVC		
5	HVC		

...			
...			
...			
...			

11. Địa chỉ báo tin:

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 Trường THPT.....
đã khai đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2026

Chữ ký của thí sinh

Ngày tháng năm 2026

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 3
Cách tính điểm cộng khuyến khích

I. Đối tượng áp dụng: áp dụng đối với phương thức xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026 (mã phương thức: 200)

II. Cách thức áp dụng: Điểm xét tuyển (tối đa bằng 30 điểm) = Điểm thi THPT năm 2026 + Điểm cộng Khuyến khích (nếu có) + Điểm ưu tiên của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có)

III. Các quy định về điểm cộng khuyến khích

- Điểm khuyến khích của mỗi thí sinh không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét tuyển, trong đó, điểm thành phần của từng nhóm điểm cộng tối đa 1,50 điểm theo thang điểm 30.

- Theo đó điểm cộng được quy đổi gồm hai nhóm như sau:

+ Nhóm 1: thí sinh đạt giải Khuyến khích trong cuộc thi học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia; đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong cuộc thi học sinh giỏi, cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố. Thời gian đạt giải không quá 02 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

+ Nhóm 2: Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh đạt bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế được quy đổi tương đương bậc 3 trở lên theo khung năng lực nêu trên, do đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận, cho phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ. Thời gian được cấp chứng chỉ không quá 02 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

IV. Cách quy đổi điểm cộng khuyến khích

TT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Điểm cộng quy đổi	Ghi chú
Nhóm 1				
1	Thí sinh đạt giải Khuyến khích trong cuộc thi học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia.		1,5 điểm	- Thời gian đạt giải không quá 02 năm tính tới thời điểm xét tuyển. - Trường hợp đạt nhiều giải, thí sinh chỉ được nhận điểm cộng khuyến khích ở giải cao nhất.
2	Thí sinh đã đạt giải thưởng đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong cuộc thi học sinh giỏi, cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố.	Giải Nhất	1,0 điểm	
		Giải Nhì	0,8 điểm	
		Giải Ba	0,6 điểm	
		Giải Khuyến khích	0,4 điểm	

TT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Điểm cộng quy đổi	Ghi chú
Nhóm 2				
4	Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh đạt bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế được quy đổi tương đương bậc 3 trở lên theo khung năng lực nêu trên, do đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận, cho phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ.	Bậc 6	1,5 điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian được cấp chứng chỉ không quá 02 năm tính tới thời điểm xét tuyển. - Chỉ quy đổi đối với các chứng chỉ ngôn ngữ Anh, các ngôn ngữ khác không công nhận.
		Bậc 5	1,0 điểm	
		Bậc 4	0,8 điểm	
		Bậc 3	0,6 điểm	

Lưu ý: Một thí sinh có thể thuộc cả hai nhóm cộng khuyến khích khác nhau. Khi đó, điểm cộng khuyến khích sẽ bao gồm tổng điểm của các nhóm mà thí sinh thuộc diện cộng khuyến khích. Tổng điểm khuyến khích của mỗi thí sinh không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét tuyển.

PHỤ LỤC 4

Cách tính điểm ưu tiên

I. Nguyên tắc cộng điểm ưu tiên:

- Tổng điểm ưu tiên không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (tối đa 03 điểm đối với thang điểm 30);
- Tổng điểm xét tuyển đã bao gồm điểm cộng ưu tiên không vượt quá mức điểm tối đa theo quy định (không vượt quá 30 điểm).

II. Các quy định về cộng điểm ưu tiên như sau:

1. Ưu tiên theo khu vực

1.1 Phân chia theo khu vực

Mã khu vực	Nhóm khu vực	Điểm cộng ưu tiên
Khu vực 1 (KV1)	Các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III; các xã có thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; các xã/phường hải đảo/đặc khu; các xã/phường biên giới đất liền.	+ 0,75 điểm
Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3	+ 0,50 điểm
Khu vực 2 (KV2)	Các phường thuộc tỉnh; các xã của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).	+ 0,25 điểm
Khu vực 3 (KV3)	Các phường nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương	Không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực

1.2 Cách xác định khu vực

- Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng.

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách

2.1. Phân chia theo nhóm đối tượng chính sách

TT	Đối tượng chính sách	Nội dung đối tượng chính sách	Nhóm đối tượng chính sách	Điểm cộng ưu tiên
II.1	Đối tượng 01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số được hưởng ưu tiên khu vực 1.	Ưu tiên 1	+2,0 điểm
II.2	Đối tượng 02	a) Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân xuất ngũ và được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.	Ưu tiên 1	+2,0 điểm
II.3	Đối tượng 03	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.	Ưu tiên 1	+2,0 điểm
II.4	Đối tượng 04	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ trên 15 tháng tính theo ngày.	Ưu tiên 2	+1,0 điểm
II.5	Đối tượng 05	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số học ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của	Ưu tiên 2	+1,0 điểm

TT	Đối tượng chính sách	Nội dung đối tượng chính sách	Nhóm đối tượng chính sách	Điểm cộng ưu tiên
		<p>người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;</p> <p>c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.</p>		
II.6	Đối tượng 06	<p>a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định;</p> <p>b) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các chương trình đào tạo giáo viên;</p> <p>c) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng chương trình đào tạo tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.</p>	Ưu tiên 2	+1,0 điểm

2.2. Cách xác định đối tượng chính sách

Thí sinh cung cấp các minh chứng/hồ sơ tại Phụ lục VIII, công văn số 2304/BGDĐT-GDDH ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng 2026.

Lưu ý: thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chỉ lấy mức cao nhất.

3. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 điểm trở lên (đối với các phương thức xét tuyển theo thang điểm 30)

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm cộng ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 theo phụ lục này.}$

QUYẾT ĐỊNH

cập nhật, điều chỉnh và bổ sung một số nội dung Thông tin tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy năm 2026 của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

- Căn cứ Quyết định số 1878/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quy định số 625-QĐ/TU ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quyết định số 1858/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức hoạt động đào tạo đại học từ năm học 2016-2017;
- Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;
- Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành giáo dục mầm non trình độ cao đẳng;
- Căn cứ Kế hoạch số 77-KH/HVCB ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai công tác tuyển sinh đại học năm 2026;
- Căn cứ Quyết định số 401-QĐ/HVCB ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Học viện Cán bộ về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học các hình thức đào tạo năm 2026 Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quyết định số 369-QĐ/HVCB ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quyết định số 639-QĐ/HVCB ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Giám đốc Học viện Cán bộ về ban hành Thông tin tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy năm 2026 của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Công văn số 2304/BGDĐT-GDDH ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026;

- Căn cứ kết luận của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh tại phiên họp ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2026.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÁN BỘ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cập nhật, điều chỉnh và bổ sung một số nội dung của Thông tin tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy năm 2026 của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh (*nội dung cập nhật, điều chỉnh, bổ sung chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2026, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Ban Giám đốc Học viện;
- Cổng thông tin điện tử Học viện (để t/b);
- Cổng thông tin tuyển sinh điện tử Học viện (để t/b);
- Lưu Học viện Cán bộ. NH(P,QLĐT).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Y

Ký bởi: HỌC VIỆN CÁN BỘ THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
Thời gian ký: 03/06/2026 15:19:42

*

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026 CẬP NHẬT

(Hình thức đào tạo: Chính quy)

*(Kèm theo Quyết định số 687/QĐ/HVCB ngày 03 tháng 6 năm 2026
của Giám đốc Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo

- Tên tiếng Việt: Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh
- Tên tiếng Anh: Ho Chi Minh City Cadre Academy (viết tắt là HCA)

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: HVC

3. Địa chỉ các trụ sở của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

- Trụ sở chính: Số 324 Chu Văn An, Phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

4. Địa chỉ các trang thông tin điện tử của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

- www.hocviencanbo.hochiminhcity.gov.vn
- Website: <http://tuyensinh.hcmca.edu.vn>
- Fanpage: <https://www.facebook.com/tuvantuyensinhhca>
- Email: tuyensinh@hcmca.edu.vn

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 028.2243.7830 - 028.2243.7838

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh, thông tin tuyển sinh của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

<http://tuyensinh.hcmca.edu.vn>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HÌNH THỨC CHÍNH QUY

1. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

1.1. Ngưỡng đầu vào

Học viện công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Điểm trúng tuyển

- Điểm trúng tuyển của tất cả các phương thức xét tuyển được quy về thang

điểm 30 (*ba mươi*) điểm và làm tròn đến hai chữ số thập phân. Trong đó, điểm cộng (*nếu có*) là điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo không quá 03 (*ba*) điểm và tổng điểm xét tuyển không quá 30 (*ba mươi*) điểm.

- Học viện sẽ thực hiện quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các phương thức, các tổ hợp xét tuyển theo hướng dẫn thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thời gian công bố ngưỡng điểm trúng tuyển quy đổi tương đương theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

2. Số lượng tuyển sinh cập nhật

Năm 2026, Học viện tuyển sinh 756 chỉ tiêu đối với 05 ngành học, cụ thể:

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh
1.	7310205	Khoa học Chính trị	7310205	Quản lý nhà nước	350	<ul style="list-style-type: none"> - Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) năm 2026; - Xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ theo kết quả 06 học kỳ); - Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Xét tuyển dựa trên kết quả các kỳ thi đánh giá năng lực năm 2026 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
2.	7310202	Khoa học Chính trị	7310202	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	126	<ul style="list-style-type: none"> - Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) năm 2026; - Xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ theo kết quả 06 học kỳ); - Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Xét tuyển dựa trên kết

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh
						qua các kỳ thi đánh giá năng lực năm 2026 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
3.	7310201	Khoa học Chính trị	7310201	Chính trị học	100	<ul style="list-style-type: none"> - Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) năm 2026; - Xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ theo kết quả 06 học kỳ); - Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Xét tuyển dựa trên kết quả các kỳ thi đánh giá năng lực năm 2026 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
4.	7760101	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội	120	<ul style="list-style-type: none"> - Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) năm 2026; - Xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ theo kết quả 06 học kỳ); - Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Xét tuyển dựa trên kết quả các kỳ thi đánh giá năng lực năm 2026 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
5.	7380101	Luật	7380101	Luật	60	<ul style="list-style-type: none"> - Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) năm 2026; - Xét tuyển kết quả học tập

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh
						<p>cấp THPT (học bạ theo kết quả 06 học kỳ);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Xét tuyển dựa trên kết quả các kỳ thi đánh giá năng lực năm 2026 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (Mã phương thức 100)

- Học viện xét tuyển theo 12 tổ hợp xét tuyển gồm (A00, A01, A07, C00, C03, C04, D01, D07, D09, D10, D15, X01) theo từng mã ngành/chương trình, không có chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển. **Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu năm 2026.**

- Học viện không sử dụng điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi tốt nghiệp THPT, kỳ thi THPT Quốc gia các năm trước để tuyển sinh, không cộng điểm ưu tiên thí sinh có chứng chỉ nghề.

- Học viện không áp dụng thêm tiêu chí phụ trong xét tuyển, ngoài các quy định trong Quy chế tuyển sinh của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT (Mã phương thức 200)

Học viện xét tuyển theo 12 tổ hợp xét tuyển gồm (A00, A01, A07, C00, C03, C04, D01, D07, D09, D10, D15, X01) theo từng mã ngành/chương trình, không có chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển. **Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu năm 2026.**

- Điều kiện xét tuyển:

+ Có kết quả học tập của cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 (**06 học kỳ**)

+ Xếp loại học lực của cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 từ mức Đạt trở lên.

+ Điểm trung bình 3 môn xét tuyển của tổ hợp môn đạt từ 18,0 (*mười tám phẩy không*) điểm trở lên (*chưa tính điểm ưu tiên khu vực và đối tượng - trong đó không có môn nào dưới 5,0 điểm*).

+ Có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 đạt từ 15,0 (*mười lăm phẩy không*) điểm trở lên.

Đối với ngành Luật (mã ngành: 7380101)

- Điều kiện xét tuyển:

+ Có kết quả học tập của cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 (**06 học kỳ**)

+ Xếp loại học lực của cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 từ mức Tốt trở lên.

+ Điểm trung bình 3 môn xét tuyển của tổ hợp môn đạt từ 18,0 (*mười tám phẩy không*) điểm trở lên (*chưa tính điểm ưu tiên khu vực và đối tượng - trong đó không có môn nào dưới 5,0 điểm*).

+ Có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 đạt từ 18,0 (*mười tám phẩy không*) điểm trở lên.

2.3. Phương thức xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Mã phương thức 301)

Học viện xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo các quy định của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh. Chỉ tiêu không quá 5% tổng chỉ tiêu chung của Học viện.

2.4. Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả các kỳ thi đánh giá năng lực năm 2026 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (Mã phương thức 402)

Học viện xét tuyển theo kết quả các kỳ thi đánh giá năng lực năm 2026 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức trong năm 2026.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 6 năm 2026

Cán bộ tuyển sinh



Trần Nam Hiệp

SĐT: 0969.182.837

Email: t.nhiiep@hcmca.edu.vn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Y